

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16/3/2018.

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con
khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Khel.

2. Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thúc - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 275/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14a/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1973 (**có mặt**).

Địa chỉ: Đường A, khóm B, phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Bà **Bùi Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1982 (**vắng mặt**).

Địa chỉ: Đường A, khóm B, phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Ông và bà Bùi Thị Ngọc Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38/2001, quyền số 01, ngày 19/4/2001. Quá

trình chung sống ông, bà có ba người con chung tên Nguyễn Bùi Thảo N (nữ, sinh ngày 13/7/2003), Nguyễn Bùi Thảo G (nữ, sinh ngày 28/01/2006) và Nguyễn Bùi Gia K (nam, sinh ngày 04/4/2011). Hiện các cháu N, G, K đang sống chung với ông B tại địa chỉ: Địa chỉ: Đường A, khóm B, phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng. Đồng thời ông, bà không có tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Trong quá trình chung sống giữa ông, bà phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Đến tháng 4/2014 bà Đ đã bỏ nhà đi cho đến nay mà không có bất kỳ liên hệ với gia đình. Ông B đã dùng nhiều biện pháp thông báo tìm kiếm bà Đ nhưng không có kết quả, ông B đã yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với bà Đ và Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đã tuyên bố bà Đ mất tích theo Quyết định số 107/2017/QĐDS-ST ngày 16/11/2017. Ông nhận thấy không còn tình cảm với bà Đ, nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Bùi Thị Ngọc Đ.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con chung tên Nguyễn Bùi Thảo N (nữ, sinh ngày 13/7/2003), Nguyễn Bùi Thảo G (nữ, sinh ngày 28/01/2006) và Nguyễn Bùi Gia K (nam, sinh ngày 04/4/2011) và không yêu cầu bà Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn B tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn, bà Bùi Thị Ngọc Đ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

- Ý kiến của kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 68; 70; 71; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng bị đơn bà Bùi Thị Ngọc Đ không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Bùi Thị Ngọc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2, Điều 227, Khoản 3, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt bà Bùi Thị Ngọc Đ.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B, về quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Văn B và bà Bùi Thị Ngọc Đ không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu ông B, bà Đ chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Tại tòa ông B xác định không còn tình cảm với bà Đ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn và kiên quyết xin ly hôn với bà Đ. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, ông B đã yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng tuyên bố bà Đ mất tích và Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đã ban hành Quyết định số 107/2017/QĐDS-ST ngày 16/11/2017 tuyên bố bà Bùi Thị Ngọc Đ, sinh năm 1982. Nơi cư trú cuối cùng: Đường A, khóm B, phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng đã mất tích. Căn cứ Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông B được ly hôn với bà Đ.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Văn B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con chung tên Nguyễn Bùi Thảo N (nữ, sinh ngày 13/7/2003), Nguyễn Bùi Thảo G (nữ, sinh ngày 28/01/2006) và Nguyễn Bùi Gia K (nam, sinh ngày 04/4/2011) và không yêu cầu bà Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu N, cháu G cùng ngày 15/12/2017, cháu N, cháu G trình bày hiện cháu đang sống chung với ông B, khi cha mẹ cháu ly hôn hai cháu đồng ý được sống chung với ông B. Xét thấy, từ khi ông B và bà Đ không còn sống chung với nhau đến nay, ông B là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng ba người con chung là cháu N, cháu G, cháu K. Hiện nay về tâm sinh lý phát triển bình thường và được đi học đầy đủ, đồng thời yêu cầu này của ông B cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N và cháu G. Xuất phát từ mọi lợi ích của cháu N, cháu G, cháu K. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông B giao các cháu N, cháu G, cháu K cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu N, cháu G, cháu K đủ 18 tuổi là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông B không yêu cầu bà Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Bà Bùi Thị Ngọc Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn B tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Như đã phân tích nêu trên, lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[8] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a, Khoản 1 Điều 35, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng: Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn B và bà Bùi Thị Ngọc Đ.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Bùi Thảo N (nữ, sinh ngày 13/7/2003), Nguyễn Bùi Thảo G (nữ, sinh ngày 28/01/2006) và Nguyễn Bùi Gia K (nam, sinh ngày 04/4/2011), hiện đang sống chung với ông B cho ông Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu N, cháu G, cháu K đủ 18 tuổi.

2.2. Bà Bùi Thị Ngọc Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Bùi Thị Ngọc Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn B tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008594 ngày 04/12/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; ông B đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Bùi Thị Ngọc Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTP P ;
- Chi cục THADSTP P ;
- Ủy ban nhân dân phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Bích Tuyền

